

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HSST
Ngày: 22/6/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Sang

2/ Ông Huỳnh Ngọc Song

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 08/6/2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị Giang Ph, sinh năm 1981; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1960; Anh chị em ruột: có 09 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 2002); có chồng là Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph là bà Trần Thị H là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2/ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1969; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Long Đ, xã Long Đ1, tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm Lưới; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1940; Anh chị em ruột: có 07 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất sinh năm 1972); có chồng là Huỳnh Văn L, sinh năm 1970; Có 01 người con, sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ch là ông Đồng Văn H là Luật sư của Văn phòng luật sư Trung Tín Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

3/ Phạm Thị Ph E, sinh năm 1982; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Rạch Gi, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị Giáo B, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: có 05 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất là bị cáo); có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Trần Thị H, sinh năm 1972; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Trần Văn X, sinh năm 1948 và bà Lê Kim V, sinh năm 1950; Anh chị em ruột: có 05 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1984); có chồng là Võ Văn H, sinh năm 1979; Có 01 người con, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

5/ Phạm Thị Ph, sinh năm 1975; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Ngãi L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị Giáo B, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: có 05 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1982); có chồng là Lê Văn V, sinh năm 1972; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

6/ Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1984; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Tân **Hóa**, xã Tân Vĩnh H, thị xã Tân U, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: có 06 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất là bị cáo); có chồng là Võ Hữu D, sinh năm 1980; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L là ông Đồng Văn H là Luật sư của Văn phòng luật sư Trung Tín Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

7/ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Nguyễn Thị Ngông A, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 2/12; con ông Lê Văn S, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: có 06 người kể cả bị cáo (Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1981); có chồng là Trần Văn Kh, sinh năm 1970; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

8/ Phạm Thị H, sinh năm 1970; tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Ngải L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Phạm Văn Th (chết) và bà Phạm Thị N (chết); Anh chị em ruột: có 05 người kể cả bị cáo (Lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất là bị cáo); có chồng là Huỳnh Văn H, sinh năm 1969; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 29/01/2020, Nguyễn Thị Ch, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Trần Thị H, Phạm Thị Ph, Phạm Thị H đến nhà của Nguyễn Thị Giang Ph chơi đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền. Người chơi ăn thua tiền trực tiếp với người làm cái. Hình thức chơi là 04 người chia làm 04 tụ bài, mỗi người được chia 03 lá bài tây, cộng lại ai lớn nút thì thắng, xoay

vòng mỗi người làm cái 03 bàn. Số tiền đặt mỗi ván ở mỗi tụ cao nhất là không quá 300.000 đồng. Những người ngồi tụ gồm bị cáo Ng 01 tụ, bị cáo Phụng E 01 tụ, bị cáo Giang Ph 01 tụ, bị cáo Mỹ L 01 tụ. Những người bên ngoài ké gồm H ké tụ của Ng, Ph và H ké tụ của Phụng E, Chử ké tụ của L. Khi tham gia đánh bạc thì bị cáo L mang theo số tiền 2.500.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc; bị cáo Ch đem theo 5.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Ng đem theo 2.280.000 đồng, sử dụng 280.000 đồng để đánh bạc; Phụng E đem theo 4.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Giang Ph đem theo 335.000 đồng, bị cáo H đem theo 200.000 đồng, bị cáo H đem theo 1.000.000 đồng, số tiền này Giang Ph, H và H sử dụng hết để đánh bạc; Ph đem theo 2.960.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.715.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H thua hết 200.000 đồng nên nghỉ và ra ngoài xem. Khi đó, Công an vào kiểm tra và lập biên bản thu giữ tang vật trên. Lúc này, Giang Ph thua 100.000 đồng, Lê thua 300.000 đồng, H thắng 100.000 đồng, Ch thắng 60.000 đồng, Phụng E thắng 300.000 đồng, Ng thắng 50.000đ. Ph không thắng không thua.

Đối với Nguyễn Văn C có mặt ở nhà Giang Ph nhưng không tham gia đánh bạc nên không xử lý.

Vật chứng thu được như sau:

- + 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng;
- + 12 (mười hai) bộ bài tây loại 52 lá chưa qua sử dụng;
- + Thu trên người của Huỳnh Thị Mỹ L 2.200.000đ;
- + Thu trên người của Nguyễn Thị Ch 5.060.000đ, 01 điện thoại di động Iphone màu đen;
- + Thu trên người của Nguyễn Văn C 130.000đ;
- + Thu giữ trên người Trần Thị H số tiền 1.100.000đ;
- + Thu giữ trên người Phạm Thị Ph số tiền 2.960.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen;
- + Thu giữ trên người Nguyễn Thị Giang Ph 235.000đ;
- + Thu giữ trên người Phạm Thị Ph E số tiền 4.300.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia;
- + Thu trên người Nguyễn Thị Ng số tiền 2.280.000đ và một điện thoại di động Mobell màu xanh.

Ngày 23/4/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành có quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Văn Cường số tiền Việt Nam 130.000đ

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS.HS ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H thừa nhận tại phía sau nhà của bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph thuộc ấp Ngải L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cùng nhau đánh bài 03 lá ăn thua bằng tiền và bị cáo Mỹ L sử dụng 2.500.000đ, bị cáo Nguyễn Thị Ch sử dụng 1.000.000đ, bị cáo Nguyễn Thị Ng sử dụng 280.000đ, bị cáo Phụng E sử dụng 2.000.000đ, bị cáo Giang Ph sử dụng 335.000đ, bị cáo Phạm Thị H sử dụng 200.000đ, bị cáo H sử dụng 1.000.000đ, bị cáo Ph sử dụng 400.000đ để cùng nhau đánh bài ăn thua bằng tiền như cáo trạng đã nêu là đúng hành vi của các bị cáo, các bị cáo không có khiếu nại gì về nội dung cáo trạng, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được, phù hợp với kết quả điều tra. Các bị cáo là người đã thành niên, biết rõ đánh bạc ăn thua bằng tiền bị pháp luật cấm, nhưng vẫn tham gia đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc 7.715.000đ. Nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H. Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ph E từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ph từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph là hộ cận nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giang Ph, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

* Bà Trần Thị H là Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph phát biểu quan điểm: Trên cơ sở hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, chúng tôi thống nhất kết luận cáo trạng và điều luật đề nghị áp dụng của Kiểm sát viên. Tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhất thời, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc so với tổng số tiền đánh bạc không lớn, bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có ông ngoại ruột là liệt sĩ, nên mức hình phạt từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ là quá nghiêm khắc. Tôi đề nghị hội đồng xét xử xem xét xét xử bị cáo thấp nhất của mức khung hình phạt là phạt bị cáo 20.000.000đ cũng đủ răn đe bị cáo.

* Ông Đồng Văn H là Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ch và bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L phát biểu quan điểm: Thống nhất nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thừa nhận có cùng nhau tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền, nên truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt tiền đối với các bị cáo là hợp lý.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ch sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo. Nên

chúng tôi thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát là đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch 20.000.000đ về tội “đánh bạc”.

Đối với bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L: Mặc dù bị cáo ngồi tù chính trực tiếp chơi bài, nhưng sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có cha ruột và ông nội tham gia cách mạng được Nhà Nước ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê mức thấp nhất của khung hình phạt mà pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H cùng khai nhận hành vi đánh bạc của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu được có trong hồ sơ vụ án thể hiện như sau: Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/01/2020 các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H cùng nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức là bài 3 lá (đếm nút) tại nhà sau của bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph thuộc ấp Ngã L, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 7.715.000đ (cụ thể bị cáo Mỹ L sử dụng số tiền là 2.500.000đ, bị cáo Nguyễn Thị Ng sử dụng 280.000đ, bị cáo Phụng E sử dụng số tiền là 2.000.000đ, bị cáo Giang Ph sử dụng 335.000đ cùng nhau ngồi tù trực tiếp đánh bạc và làm nhà cái xoay vòng, đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ch sử dụng 1.000.000đ ké tụ của Mỹ L, bị cáo Phạm Thị H sử dụng 200.000đ ké tụ của Phụng E, bị cáo H sử dụng số tiền 1.000.000đ ké tụ bị cáo Ng, bị cáo Ph sử dụng 400.000đ ké tụ của Phụng E).

Từ những phân tích trên và diễn biến tại phiên tòa hôm nay cho thấy các bị cáo đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết đánh bạc ăn thua bằng tiền bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện một cách trái pháp luật là xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý trực tiếp.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định và hành

vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của người tiến hành tố tụng điều hợp pháp.

Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đánh bạc ăn thua bằng tiền là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, làm ảnh hưởng an ninh, trật tự địa phương. Do đó để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, vừa răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, vừa phục vụ tốt tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, cần phải xem xét cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính nguy hiểm hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo sống tại cùng nông thôn nên khả năng nhận thức về pháp luật còn bị hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng đối với bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L có cha ruột là ông Huỳnh Văn Bé và ông nội ruột là ông Huỳnh Văn N tham gia cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến, ông B và ông N đồng thời cũng là cha chồng và ông nội chồng của bị cáo Nguyễn Thị Ch; bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph thuộc diện hộ cận Nghèo, có ông ngoại ruột là ông Trần Văn M là Liệt sĩ; bị cáo Phạm Thị H có chú chồng ông Huỳnh Văn X là Liệt sĩ đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Giang Ph, Phạm Thị H được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần phạt tù, mà phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tính nghiêm minh của pháp luật và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà Nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng;
- + 12 (mười hai) bộ bài tây loại 52 lá chưa qua sử dụng;

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà Nước cụ thể như sau:

- + Số tiền 2.200.000đ được thu trên người của bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L;
- + Số tiền 1.060.000đ (trong số tiền 5.060.000đ) được thu trên người của Nguyễn Thị Ch;

- + Số tiền 1.100.000đ được thu giữ trên người Trần Thị H;
- + Số tiền 400.000đ (trong số tiền 2.960.000đ) được thu giữ trên người Phạm Thị Ph;
- + Số tiền 235.000đ được thu giữ trên người Nguyễn Thị Giang Ph;
- + Số tiền 2.300.000đ (trong số tiền 4.300.000đ) được thu giữ trên người Phạm Thị Ph E;
- + Số tiền 280.000đ (trong số tiền 2.280.000đ) được thu trên người Nguyễn Thị Ng.

Các vật chứng không liên quan đến tội phạm được trả lại cho các bị cáo cụ thể như sau:

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ch 01 điện thoại di động Iphone màu đen;
- + Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Ph 01 điện thoại di động hiệu Mobell (màu đen);
- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ng 01 điện thoại di động hiệu Mobell (xanh);
- + Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Ph E 01 điện thoại di động hiệu Nokia;

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục quản lý tài sản của bị cáo Phạm Thị Ph E số tiền 2.000.000đ, của bị cáo Nguyễn Thị Ch 4.000.000đ, của bị cáo Phạm Thị Ph 2.560.000đ, của bị cáo Nguyễn Thị Ng 2.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ng và bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph còn phần nghiêm khắc, riêng các đề nghị khác của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của bà Trần Thị H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph phù hợp với mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời bào chữa của Luật sư Đồng Văn H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ch như đề nghị của Viện kiểm sát, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với lời bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L mức phạt thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ, xét về hành vi phạm tội của bị cáo và số tiền sát phạt cao nhất so với các bị cáo khác, nên hình phạt đối với bị cáo phải nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác.

[5] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph, Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ph E 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ph 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng;

+ 12 (mười hai) bộ bài tây loại 52 lá chưa qua sử dụng;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà Nước cụ thể như sau:

+ Số tiền 2.200.000đ được thu trên người của bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L;

+ Số tiền 1.060.000đ (trong số tiền 5.060.000đ) được thu trên người của Nguyễn Thị Ch;

+ Số tiền 1.100.000đ được thu giữ trên người Trần Thị H;

+ Số tiền 400.000đ (trong số tiền 2.960.000đ) được thu giữ trên người Phạm Thị Ph;

+ Số tiền 235.000đ được thu giữ trên người Nguyễn Thị Giang Ph;

+ Số tiền 2.300.000đ (trong số tiền 4.300.000đ) được thu giữ trên người Phạm Thị Ph E;

+ Số tiền 280.000đ (trong số tiền 2.280.000đ) được thu trên người Nguyễn Thị Ng.

Các vật chứng không liên quan đến tội phạm được trả lại cho các bị cáo cụ thể như sau:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ch 01 điện thoại di động Iphone màu đen;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Ph 01 điện thoại di động hiệu Mobell (màu đen);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ng 01 điện thoại di động hiệu Mobell (xanh);

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Ph E 01 điện thoại di động hiệu Nokia;

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục quản lý tài sản của bị cáo Phạm Thị Ph E số tiền 2.000.000đ, của bị cáo Nguyễn Thị Ch 4.000.000đ, của bị cáo Phạm Thị Ph 2.560.000đ, của bị cáo Nguyễn Thị Ng 2.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Huỳnh Thị Mỹ L, Phạm Thị Ph E, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị H, Phạm Thị Ph và Phạm Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Giang Ph được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H.Châu Thành;
- CC THADS H.Châu Thành;
- Sở tư pháp tỉnh TV;
- NTG CA H.Châu Thành;
- Công an H.Châu Thành;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hiệp